

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2023

*V/v yêu cầu cấp dưỡng, trCh chấp tài
sản chung sau khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về yêu cầu cấp dưỡng, trCh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Cẩm B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 88, đường 23 tháng 8, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- Bị đơn: Ch Tiêu C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp D, thị trấn E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP G. Địa chỉ: Số 2C, Phó Đức Chính, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ QuCg G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái G1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh Bạc Liêu. Người được ủy quyền lại: Bà Lê Hồng G2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 43B, Trần Huỳnh, Phường 7, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Hoàng Văn Thụ - Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh C (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 10/7/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 3 năm 2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay,

nguyên đơn, chị Lâm Thị Cẩm B trình bày: Chị và Ch Tiêu C xây dựng hôn nhân vào khoảng năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa pB, đăng ký kết hôn tại Ủy bC nhân dân thị trấn E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, vợ chồng chung sống có 03 con chung gồm:

1. Tiêu Lâm H, sinh ngày 26/3/2006.
2. Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007.
3. Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012.

Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên năm 2017, vợ chồng chị đã được Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giải quyết cho ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 116/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2017. Khi giải quyết ly hôn, con chung là cháu Tiêu Lâm H, sinh ngày 26/3/2006 giao cho Ch C nuôi dưỡng còn cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 giao cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Nay chị có yêu cầu anh Tiêu C cấp dưỡng nuôi cháu Tiêu Lâm I và Tiêu Lâm K mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; chia phần tài sản chung vợ chồng là phần đất ở tại đô thị diện tích 55.7m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại Phường 7, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 394660 do UBND thành phố Bạc Liêu cấp ngày 18/3/2013 do anh Tiêu C, chị Lâm Thị Cẩm B đứng tên và căn nhà gắn liền với đất theo tỷ lệ 7/3, chị yêu cầu được nhận 07 phần tài sản và giao cho anh Tiêu C 03 phần giá trị tài sản. Về nợ chung, chị và anh C không có nợ chung, đối với nợ Ngân hàng C số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là nợ riêng của anh C sau khi chị và anh C đã ly hôn.

Nguồn gốc phần tài sản này là của cha ruột anh Tiêu C tên Tiêu Ngọc L cho tiền mua nhà đất của bà Trần Cẩm M khoảng năm 2009 với giá khoảng 240 đến 250 triệu đồng. Sau khi mua nhà, đất thì ông L có sửa chữa sau đó ông Sơn cho vợ chồng chị sử dụng, đến năm 2013 thì vợ chồng chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 2015, chị có bỏ tiền ra để sửa nhà chi phí khoảng 30.000.000 đồng. Trong quá trình chung sống, do anh C nghiện game, thiếu nợ bên ngoài rất nhiều, chị phải tự mình kinh doanh, buôn bán để trả nợ và chi trả chi phí sinh hoạt trong gia đình nên chị yêu cầu được nhận 7 phần giá trị tài sản để kinh doanh buôn bán lo cho con ăn học.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn anh Tiêu C trình bày: Anh và chị Lâm Thị Cẩm B xây dựng hôn nhân vào khoảng năm 2004 - 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, vợ chồng chung sống có 03 con chung gồm:

1. Tiêu Lâm H, sinh ngày 26/3/2006.
2. Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007
3. Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012.

Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên năm 2017, vợ chồng anh đã được Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bạc Liêu giải quyết cho ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 116/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2017. Khi giải quyết ly hôn, con chung là cháu Tiêu Lâm H, sinh ngày 26/3/2006 giao cho anh nuôi dưỡng còn cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 giao cho chị B nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh đồng ý cấp dưỡng cho cháu Tiêu Lâm I và Tiêu Lâm K mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung là phần đất ở tại đô thị diện tích theo đo đạc thực tế là 55.7m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 394660 do UBND thành phố C cấp ngày 18/3/2013 do Ch Tiêu C, chị Lâm Thị Cẩm B đứng tên). Nguồn gốc phần tài sản này là khoảng năm 2005 – 2006, cha ruột anh tên Tiêu Ngọc L cho vợ chồng anh số tiền 330.000.000 đồng để mua nhà, đất. Sau khi mua nhà, đất thì ông L có cho thêm 80 – 90 triệu đồng để sửa nhà. Đến năm 2013, vợ chồng Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, anh không đồng ý chia theo tỷ lệ 7/3, chị B 7 phần, anh 3 phần. Anh đồng ý chia tài sản chung theo tỷ lệ 5/5 và anh yêu cầu được nhận tài sản và hoàn lại cho chị B $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Về nợ chung: Năm 2015, vợ chồng Ch có vay vốn tại Ngân hàng TMCP C để bổ sung vốn kinh doanh. Hợp đồng vay tín dụng cứ đáo hạn khi hết hạn và lần gần đây nhất là ngày 7/5/2021, Ch và chị B đáo hạn và cùng ký tên vay của Ngân hàng TMCP C – chi nhánh C số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh oxy y tế, oxy thủy sản (khí công nghiệp), hóa chất, hiện nay do chị B đCg kinh doanh nên Ch xác định đây là nợ chung của anh và chị B nên anh yêu cầu B cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng. Ngày 30 tháng 6 năm 2023, anh đã tắt toán nợ cho ngân hàng số tiền vốn là 100.000.000 đồng, lãi là 2.631.699 đồng. Anh yêu cầu chị B hoàn lại cho Anh $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 51.315.849 đồng.

Theo chị Lê Hồng G2 – Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C trình bày: Anh C và chị B có ký hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C – PGD Hoàng Văn Thụ vào ngày 07/5/2021 số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay của mình, chị B và anh C đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 394660 do UBND thành phố Bạc Liêu cấp ngày 18/3/2013 cho anh Tiêu C, chị Lâm Thị Cẩm B. Ngày 30/6/2023, Ch C đã thCh toán hết nợ cho Ngân hàng. Hiện nay anh C và chị B không còn nợ Ngân hàng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ch C và chị B ngân hàng vẫn còn giữ do Ch C và chị B chưa đến để làm thủ tục nhận lại. Khoản vay này phát sinh trước năm 2017, mỗi lần đến hạn anh C và chị B đều đáo hạn ngân hàng, làm hồ sơ vay mới.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quC điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quC đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 58, Điều 59, Điều 62, các điều 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của Ch Tiêu C đối với cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu. Giao tài sản chung là nhà, đất cho chị B quản lý, sử dụng. Chị B có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị tài sản cho Ch C. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh C, buộc chị B có nghĩa vụ thanh toán cho anh C số tiền 51.315.849 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị Cẩm B yêu cầu cấp dưỡng và tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn với anh Tiêu C. Hiện nay anh C cư trú tại ấp D, thị trấn E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị Cẩm B yêu cầu anh Tiêu C cấp dưỡng nuôi cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Tiêu C đồng ý cấp dưỡng các cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Do đó, cần ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng cho các cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 mỗi cháu 1.000.000

đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 28/6/2023.

[4] Về chia tài sản chung: Chị B và anh C đều thống nhất tài sản chung của anh chị là phần đất và nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 88 đường 23/8, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 25, do Ủy bC nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 18/3/2013, đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đất có vị trí, số đo, diện tích theo đo đạc thực tế và kết quả định giá như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Công Điền số đo 12.19m
- Hướng Tây giáp đất ông Trương Quốc Việt số đo 13.38m
- Hướng Nam giáp Quốc lộ 1 số đo 5,28
- Hướng Bắc một phần giáp đất ông Trương Quốc Việt số đo 2,22, một phần giáp mương 0,66m

Diện tích 55.7 m². Đất có giá 983.105.000 đồng.

Trên đất có các tài sản sau:

- 01 căn nhà diện tích 41,1m². Cấu trúc: Khung cột bê tông cốt thép, vách tường xây bao quanh (Có dán gạch ốp tường), mái lợp tôn (có đóng la thông trần), nền gạch men.

Nhà có giá 180.527.813 đồng.

- Mái che diện tích 8,67m².
- Sân xi măng dưới mái che diện tích 8,67m².

Sân, mái che có giá 2.719.351 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 1.166.352.164 đồng.

Nhà và đất do chị Lâm Thị Cẩm B đang quản lý, sử dụng.

Chị B yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 7/3, chị nhận 7 phần hiện vật và giao cho anh C 3 phần giá trị tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh C đều thống nhất đây là tài sản chung của anh chị. Nguồn tiền để mua nhà, đất là của cha chồng tên Tiêu Ngọc L cho. Đến năm 2013, anh chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh C không đồng ý chia tài sản theo tỷ lệ 7/3, anh yêu cầu chia theo tỷ lệ 5/5, anh nhận 5 phần hiện vật, giao cho chị B 5 phần giá trị. Xét thấy, nguồn gốc tạo lập tài sản là của cha mẹ chồng, tài sản này là nơi kinh doanh để tạo lập kinh tế nuôi sống chị B và con chung của chị B và anh C là cháu Tiêu Lâm I và Tiêu Lâm K. Hiện nay anh C đang sống chung với cha mẹ ruột, có nơi sinh sống và kinh doanh ổn định; mặc khác, tài sản do chị B đang quản lý nên cần tiếp tục giao tài sản cho chị B quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định pháp luật, đạo đức xã hội và bảo vệ được quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Xét yêu cầu chia tài sản của chị B theo tỷ lệ 7/3, chị B nhận 7 phần, giao cho anh C nhận 3 phần giá trị là không phù hợp. Vì nguồn gốc tạo lập tài sản là của cha mẹ anh C cho, quá trình sử dụng cả hai cùng sử dụng và sửa chữa nên chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 5/5 như ý kiến, yêu cầu của anh C.

Hiện nay chị B đang quản lý tài sản, giao tài sản cho chị B toàn quyền quản lý, sử dụng, quyết định. Tổng giá trị tài sản là 1.166.352.164 đồng. Nên chị B phải có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 giá trị tài sản cho Ch C là 583.176.082 đồng.

[5] Về nợ chung: Anh C yêu cầu chị B có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ Ngân hàng TMCP C mà anh chị đã vay từ năm 2015, số tiền vốn là 100.000.000 đồng, hai năm đáo hạn một lần, lần gần đây nhất là ngày 07/5/2021 số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay của mình, chị B và anh C đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 394660 do UBND thành phố Bạc Liêu cấp ngày 18/3/2013 cho anh Tiêu C, chị Lâm Thị Cẩm B đứng tên. Do nợ quá hạn, sợ ảnh hưởng đến các khoản vay khác của anh C nên ngày 30/6/2023, anh C đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Nay anh yêu cầu chị B hoàn lại cho Ch $\frac{1}{2}$ số tiền nợ ngân hàng anh đã thanh toán là 51.315.849 đồng. Xét thấy, đây là khoản nợ phát sinh từ năm 2015, thời gian chị B và anh C còn chung sống với nhau, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh mà giấy phép kinh doanh do chị B đứng tên và hiện nay cửa hàng vẫn còn đang hoạt động kinh doanh. Tuy lần cuối vay là ngày 07/5/2021 là thời gian anh C và chị B đã ly hôn nhưng đây là khoản nợ phát sinh từ năm 2015. Chị B không chứng minh được chị và anh C đã kết thúc khoản vay trước khi ly hôn nên đây được xem là nợ chung của anh C và chị B. Vì vậy, chị B phải có nghĩa vụ thanh toán nợ chung với anh C. Ngày 30/6/2023, anh C đã tắt toán khoản vay và được đại diện ngân hàng xác nhận. Do đó, chị B phải có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ khoản vay do anh C đã thanh toán là 51.315.849 đồng.

[6] Chi phí tố tụng: Anh C và chị B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 3.701.865 đồng. Anh C phải chịu 1.850.932 đồng, chị B phải chịu 1.850.932 đồng. Chị B đã nộp 3.701.865 đồng và đã chi phí hết. Chị B được nhận lại 1.850.932 đồng từ tiền do anh C nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị B được hưởng phần tài sản có giá trị 583.176.082 đồng, án phí chị B phải chịu là 27.327.043 đồng, nghĩa vụ thCh toán nợ là 51.315.849 đồng, án phí chị B phải chịu là 2.565.792 đồng. Tổng cộng tiền án phí chị B phải chịu là 29.892.835 đồng. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 14.500.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013508 ngày 27/3/20223 được chuyển thu án phí. Chị B phải nộp thêm số tiền 15.392.835 đồng.

Anh C phải chịu án phí đối với số tiền được hưởng là 583.176.082 đồng = 27.327.043 đồng. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng anh C phải chịu án phí là 27.627.043 đồng. Anh C đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013666 ngày 26/6/20223 được chuyển thu án phí. Anh C phải nộp thêm số tiền 25.127.043 đồng.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 104, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 262, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 33, Điều 58, 59, 62, các điều 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (BC hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tiêu C cấp dưỡng nuôi cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Buộc anh Tiêu C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Tiêu Lâm I, sinh ngày 25/10/2007 và Tiêu Lâm K, sinh ngày 01/10/2012 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 28/7/2023 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Lâm Thị Cẩm B.

Chia cho chị Lâm Thị Cẩm B 1/2 giá trị tài sản nhà, đất, chia cho anh Tiêu C 1/2 giá trị tài sản là nhà, đất tại số 88, đường 23 tháng 8, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu.

Giao cho chị Lâm Thị Cẩm B được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất ở tại đô thị diện tích theo đo đạc thực tế là 55,7m² tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại số 88, đường 23 tháng 8, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu, do Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 18/3/2013. Tài sản có vị trí, số đo và kết cấu như sau:

Phần đất ở đô thị có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Công Điền số đo 12.19m
- Hướng Tây giáp đất ông Trương Quốc Việt số đo 13.38m

- Hướng Nam giáp Quốc lộ 1 số đo 5,28
- Hướng Bắc một phần giáp đất ông Trương Quốc Việt số đo 2,22, một phần giáp nương 0,66m

Diện tích 55.7 m².

Trên đất có các tài sản sau:

- 01 căn nhà diện tích 41,1m². Cấu trúc: Khung cột bê tông cốt thép, vách tường xây bao quCh (Có dán gạch ốp tường), mái lợp tôn (có đóng la phòng trần), nền gạch men.

- Mái che diện tích 8,67m².

- Sân xi măng dưới mái che diện tích 8,67m².

Nhà và đất do chị Lâm Thị Cẩm B đang quản lý, sử dụng.

Chị Lâm Thị Cẩm B có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tại địa chỉ số 88, đường 23 tháng 8, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu theo quy định pháp luật (Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất là phần không thể tách rời của Bản án).

Chị Lâm Thị Cẩm B có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 giá trị tài sản cho anh Tiêu C tương đương số tiền 583.176.082 (Năm trăm tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai) đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Cẩm B đối với anh Tiêu C yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 7/3.

4. Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của anh Tiêu C. Buộc chị Lâm Thị Cẩm B có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 số tiền nợ Ngân hàng TMCP C cho anh Tiêu C là 51.315.849 (Năm mươi một triệu ba trăm mười lăm nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

5. Chi phí tố tụng là 3.701.865 (Ba triệu bảy trăm lẻ một nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng. Anh Tiêu C phải chịu 1.850.932 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng, chị B phải chịu 1.850.932 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng. Chị B đã nộp 3.701.865 (Ba triệu bảy trăm lẻ một nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng và đã chi phí hết. Chị B được nhận lại 1.850.932 (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng từ tiền do anh C nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) tại mục 2, mục 4 của quyết định này cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Lâm Thị Cẩm B phải chịu 29.892.835 (Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi hai nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013508 ngày 27/3/20223 được chuyển thu án phí. Chị B phải nộp thêm số tiền 15.392.835 (Mười lăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Anh C phải chịu 27.627.043 (Hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi ba) đồng. Anh C đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013666 ngày 26/6/20223 được chuyển thu án phí. Anh C phải nộp thêm số tiền 25.127.043 (Hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi ba) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

9. Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị Cẩm B và Anh Tiêu C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng TMCP C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TCD tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TCD tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- CC THADS huyện A
- UBND xã Hưng Thành, huyện A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**